

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **94/2012/NĐ-CP**

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH
Về sản xuất, kinh doanh rượu

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

Chính phủ ban hành Nghị định về sản xuất, kinh doanh rượu.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về sản xuất, kinh doanh sản phẩm rượu và cồn thực phẩm bao gồm: Đầu tư, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất, kinh doanh sản phẩm rượu và cồn thực phẩm.

Sản phẩm rượu và cồn thực phẩm (để sản xuất rượu) trong Nghị định này được gọi chung là rượu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh rượu và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất, kinh doanh rượu trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Thương nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam chịu sự điều chỉnh của Nghị định này và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Sản phẩm rượu” là đồ uống có cồn thực phẩm. Sản phẩm rượu được sản xuất từ quá trình lên men (có hoặc không chưng cất) từ tinh bột của các loại ngũ cốc, dịch đường của cây và hoa quả hoặc được pha chế từ cồn thực phẩm (Ethanol).

2. “Cồn thực phẩm” là hợp chất hữu cơ có công thức phân tử là C_2H_5OH và có tên khoa học theo danh pháp quốc tế IUPAC là Ethanol, đạt tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. “Sản xuất rượu thủ công” là hoạt động sản xuất rượu bằng dụng cụ truyền thống như nồi (kháp) đồng, ống dẫn hơi rượu, bồn lạnh... quy mô nhỏ do hộ gia đình hoặc tổ chức, cá nhân thực hiện.

4. “Sản xuất rượu công nghiệp” là hoạt động sản xuất rượu trên dây chuyền máy móc, thiết bị công nghiệp.

5. “Rượu thuốc” là rượu được pha chế, ngâm với nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật và/hoặc thực vật và/hoặc khoáng chất để hỗ trợ chữa bệnh, hỗ trợ chức năng của cơ thể con người và tăng cường sức khỏe.

6. “Rượu bán thành phẩm” là rượu chưa được hoàn thiện, cần thêm một số công đoạn sản xuất, ví dụ như: Lọc, phối chế, đóng chai, dán nhãn... để trở thành sản phẩm rượu hoàn chỉnh.

7. “Phân phối sản phẩm rượu” là hoạt động mua sản phẩm rượu trực tiếp từ tổ chức, cá nhân sản xuất rượu, thương nhân nhập khẩu sản phẩm rượu trực tiếp từ thương nhân nước ngoài để bán cho các thương nhân bán buôn sản phẩm rượu.

8. “Bán buôn sản phẩm rượu” là hoạt động mua sản phẩm rượu từ thương nhân phân phối sản phẩm rượu, tổ chức, cá nhân sản xuất rượu, để bán cho các thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu.

9. “Bán lẻ sản phẩm rượu” là hoạt động mua rượu từ thương nhân bán buôn sản phẩm rượu để bán trực tiếp cho người tiêu dùng.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý sản xuất, kinh doanh rượu

1. Rượu thuộc nhóm hàng hoá nhà nước hạn chế kinh doanh. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm rượu (phân phối, bán buôn, bán lẻ) phải có giấy phép, trừ trường hợp sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại.

2. Mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh rượu phải tuân thủ quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Nhà nước thống nhất quản lý đối với hoạt động đầu tư, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh, ghi nhãn, quảng cáo, chất lượng, an toàn thực phẩm, môi trường, phòng, chống cháy nổ trong sản xuất, kinh doanh rượu và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất, kinh doanh rượu.

4. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh rượu thuộc ngoài việc thực hiện các quy định của Nghị định này phải thực hiện các quy định khác liên quan.

Điều 5. Quy hoạch sản xuất rượu

1. Quy hoạch sản xuất rượu là quy hoạch ngành nằm trong Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát, được lập cho giai đoạn 10 năm và xét đến 10 năm tiếp theo.

2. Bộ Công Thương chủ trì tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát, trong đó có Quy hoạch sản xuất rượu trên phạm vi cả nước.

3. Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát đã được Bộ Công Thương phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát trên địa bàn, trong đó có Quy hoạch sản xuất rượu và làng nghề sản xuất rượu.

4. Việc lập, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý quy hoạch.

Điều 6. Công nhận làng nghề sản xuất rượu thủ công

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận làng nghề sản xuất rượu trên địa bàn theo các quy định hiện hành về công nhận làng nghề, đảm bảo các điều kiện sau:

1. Làng nghề sản xuất rượu nằm trong Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát trên địa bàn.

2. Làng nghề phải xây dựng và áp dụng quy trình sản xuất chung đối với rượu mang thương hiệu làng nghề.

3. Sản phẩm rượu đảm bảo các điều kiện về chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hóa áp dụng cho mọi thành viên hoạt động sản xuất rượu trong khu vực làng nghề.

4. Đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ áp dụng cho mọi thành viên hoạt động sản xuất rượu trong khu vực làng nghề.

5. Các làng nghề sản xuất rượu được công nhận có trách nhiệm xây dựng, bảo tồn và phát triển thương hiệu làng nghề.

Chương II SẢN XUẤT RƯỢU

Điều 7. Đầu tư sản xuất rượu công nghiệp

1. Đầu tư sản xuất rượu phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát đã được phê duyệt.

2. Chủ đầu tư dự án sản xuất rượu có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ và các quy định pháp luật khác liên quan.

Điều 8. Điều kiện cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp

Điều kiện cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp bao gồm:

1. Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh ngành nghề sản xuất rượu.
2. Sản xuất rượu công nghiệp phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát được phê duyệt.
3. Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu. Toàn bộ máy móc thiết bị để sản xuất rượu phải có nguồn gốc hợp pháp.
4. Đảm bảo các điều kiện theo quy định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.
5. Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp nhãn hàng hóa sản phẩm rượu tại Việt Nam.
6. Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.
7. Người tham gia trực tiếp sản xuất rượu phải đảm bảo sức khỏe, không mắc bệnh truyền nhiễm.

Điều 9. Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp

Doanh nghiệp chỉ được quyền hoạt động sản xuất, kinh doanh kể từ ngày được cấp giấy phép.

2. Thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp:

a) Bộ Công Thương là cơ quan cấp Giấy phép sản xuất rượu đối với những dự án đầu tư sản xuất rượu có quy mô từ 03 triệu lít/năm trở lên.

b) Sở Công Thương địa phương là cơ quan cấp Giấy phép sản xuất rượu đối với những dự án đầu tư sản xuất rượu tại địa phương có quy mô dưới 03 triệu lít/năm.

3. Bộ Công Thương hướng dẫn cụ thể về hồ sơ cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp.

4. Trình tự thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp

a) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở sản xuất xem xét và cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

5. Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp có thời hạn 15 năm. Trước thời điểm hết hiệu lực của Giấy phép 30 ngày, doanh nghiệp sản xuất rượu phải có văn bản đề nghị cấp lại giấy phép gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép để xem xét cấp lại.

6. Bộ Công Thương hướng dẫn các trường hợp và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp

Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp còn có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đào tạo nhân viên về an toàn phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm theo quy định.

2. Tuân thủ chặt chẽ các quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hóa.

3. Thực hiện trách nhiệm cung cấp thông tin về sản phẩm rượu theo đúng hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, 01 năm tình hình kinh doanh theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.

5. Tổ chức việc kiểm tra sức khỏe định kỳ 12 tháng 1 lần cho người lao động. Đối với người lao động trực tiếp sản xuất rượu, phải đảm bảo sức khỏe và không mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định hiện hành.

6. Được tổ chức phân phối, bán buôn rượu do doanh nghiệp sản xuất, chỉ được phép bán lẻ sản phẩm rượu trực tiếp tại hệ thống cửa hàng trực thuộc của doanh nghiệp theo đúng quy định mà không phải đề nghị cấp giấy phép kinh doanh phân phối, bán buôn, bán lẻ sản phẩm rượu.

7. Được phân phối rượu do doanh nghiệp sản xuất ra (trực tiếp hoặc thông qua công ty thành viên, chi nhánh trực thuộc) để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép kinh doanh phân phối, bán buôn sản phẩm rượu.

8. Được nhập khẩu cồn thực phẩm, rượu bán thành phẩm và phụ liệu để pha chế thành rượu thành phẩm hoặc nhập khẩu ủ thối cho doanh nghiệp có giấy phép sản xuất rượu công nghiệp khác.

9. nộp phí và lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 11. Sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

1. Điều kiện cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh:

a) Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công;

b) Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thẩm quyền cấp Giấy phép: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Công Thương (sau đây gọi chung là Phòng Công Thương) thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh là cơ quan cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

3. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Công Thương thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất xem xét và cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu hướng dẫn của Bộ Công Thương. Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

4. Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh có thời hạn 05 năm. Trước thời điểm hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh phải có văn bản đề nghị cấp lại giấy phép gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép để xem xét cấp lại.

5. Bộ Công Thương hướng dẫn cụ thể hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh; trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

6. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Được tham gia hiệp hội làng nghề sản xuất rượu nếu thuộc địa phận có làng nghề;

b) Được tổ chức phân phối, bán buôn rượu do tổ chức, cá nhân sản xuất, chỉ được phép bán lẻ sản phẩm rượu trực tiếp tại hệ thống cửa hàng trực thuộc của tổ chức, cá nhân theo đúng quy định mà không phải đề nghị cấp giấy phép kinh doanh phân phối, bán buôn, bán lẻ sản phẩm rượu;

c) Được phân phối rượu do tổ chức, cá nhân sản xuất ra để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép kinh doanh phân phối, bán buôn sản phẩm rượu;

d) Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công không được nhập khẩu sản phẩm rượu, rượu bán thành phẩm, cồn thực phẩm và phụ liệu rượu để pha chế thành rượu thành phẩm;

đ) Nộp phí và lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 12. Sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại rượu

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại rượu phải đăng ký với chính quyền địa phương tại nơi sản xuất.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại rượu là cơ quan để các tổ chức, cá nhân đến đăng ký sản xuất rượu.

3. Sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại rượu phải đăng ký lại với chính quyền địa phương tại nơi sản xuất.

4. Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại rượu chịu trách nhiệm thực hiện quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất rượu do mình sản xuất.

5. Bộ Công Thương hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại.

6. Quyền và nghĩa vụ đối với tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại.

Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Không bắt buộc phải công bố chất lượng hàng hoá, đăng ký nhãn hàng hoá và không phải dán tem;

b) Trong quá trình vận chuyển đến nơi tiêu thụ tổ chức, cá nhân chỉ cần xuất trình hợp đồng mua bán rượu cho các cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp bị kiểm tra;

c) Phải đăng ký sản xuất rượu thủ công với chính quyền địa phương và đề nghị chính quyền địa phương xác nhận việc sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này;

d) Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại chỉ được bán rượu do mình sản xuất ra cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu. Trong trường hợp không bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu thì phải xin cấp Giấy phép sản xuất rượu theo quy định tại Điều 11 của Nghị định này;

đ) Chịu trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường.

Điều 13. Chất lượng và an toàn thực phẩm

1. Sản phẩm rượu là sản phẩm hàng hóa bắt buộc phải đăng ký bản công bố hợp quy.

2. Thủ tục đăng ký bản công bố hợp quy theo quy định của Luật an toàn thực phẩm, Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác liên quan.

Điều 14. Nhãn hàng hóa sản phẩm rượu

1. Sản phẩm rượu chỉ được tiêu thụ tại Việt Nam khi có nhãn hàng hoá theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

2. Sản phẩm rượu tiêu thụ tại Việt Nam phải thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa thực phẩm.

3. Đối với rượu sản xuất để xuất khẩu thì thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo yêu cầu của nước nhập khẩu với điều kiện những yêu cầu này không làm sai lệch bản chất của hàng hoá, không vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước nhập khẩu.

Điều 15. Tem sản phẩm rượu

1. Sản phẩm rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước và sản phẩm rượu nhập khẩu để tiêu thụ tại Việt Nam phải dán tem trên bao bì sản phẩm theo quy định của Bộ Tài chính (trừ trường hợp sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại rượu).

2. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 sản phẩm rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước lưu hành trên thị trường phải được dán tem.

3. Bộ Tài chính quy định việc in, ban hành tem và quản lý sử dụng tem sản phẩm rượu tiêu thụ trong nước và tem sản phẩm rượu nhập khẩu.

4. Tem sản phẩm rượu sản xuất, nhập khẩu để tiêu thụ trong nước chỉ được cấp cho các tổ chức, cá nhân có Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép kinh doanh phân phối sản phẩm rượu.

5. Sản phẩm rượu sản xuất để xuất khẩu, chào hàng, triển lãm ở nước ngoài thực hiện dán tem theo quy định của nước nhập khẩu.

Điều 16. Trách nhiệm cung cấp thông tin về sản phẩm rượu

1. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh rượu có trách nhiệm cung cấp thông tin về sản phẩm rượu của mình theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

2. Thông tin về sản phẩm rượu phải nêu rõ thành phần, hàm lượng, tác hại của việc lạm dụng rượu.

3. Việc quảng cáo sản phẩm rượu phải theo quy định của pháp luật hiện hành về quảng cáo.

Chương III KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU

Điều 17. Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu

1. Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh phân phối sản phẩm rượu bao gồm:

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán buôn đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

b) Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

c) Có hệ thống phân phối sản phẩm rượu trên địa bàn từ 06 tỉnh trở lên (tại địa bàn mỗi tỉnh phải có từ 03 thương nhân bán buôn sản phẩm rượu trở lên);

d) Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của các thương nhân phân phối sản phẩm rượu khác;

đ) Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu tổng diện tích phải từ 300 m² trở lên hoặc khối tích phải từ 1000 m³ trở lên) đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

e) Có phương tiện vận tải thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu phải có 03 xe có tải trọng từ 500 kg trở lên); đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian vận chuyển;

g) Có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống phân phối của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng tối thiểu 01 tỷ Việt Nam đồng trở lên);

h) Có bản cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

i) Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định này.

2. Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu bao gồm:

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán buôn đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

b) Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

c) Có hệ thống bán buôn sản phẩm rượu trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 03 thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu trở lên);

d) Trực thuộc hệ thống kinh doanh của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu;

đ) Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu tổng diện tích phải từ 50 m² trở lên hoặc khối tích phải từ 150 m³ trở lên) đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

e) Có phương tiện vận tải thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu phải có 01 xe có tải trọng từ 500 kg trở lên); đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian vận chuyển;

g) Có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống phân phối của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng tối thiểu 300 triệu Việt Nam đồng trở lên);

h) Có bản cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

i) Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định này.

3. Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu bao gồm:

a) Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

b) Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

c) Trực thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;

d) Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

đ) Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

e) Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Sở Công Thương tỉnh công bố;

g) Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định này.

Điều 18. Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu

1. Số lượng Giấy phép kinh doanh phân phối, bán buôn, bán lẻ sản phẩm rượu được xác định trên nguyên tắc sau:

a) Giấy phép kinh doanh phân phối sản phẩm rượu được xác định theo số dân trên cả nước theo nguyên tắc không quá một (01) Giấy phép kinh doanh phân phối sản phẩm rượu trên bốn trăm nghìn (400.000) dân;

b) Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu được xác định trên địa bàn tỉnh theo nguyên tắc không quá một (01) Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu trên một trăm nghìn (100.000) dân;

c) Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu tại cửa hàng bán lẻ trên địa bàn một quận, huyện, thị xã (sau đây gọi chung là huyện) được xác định theo nguyên tắc không quá một (01) giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu trên một nghìn (1.000) dân và phù hợp theo quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

2. Hàng năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, căn cứ vào tình hình biến động dân số từng thời kỳ, cơ quan có thẩm quyền công bố số lượng Giấy phép kinh doanh (phân phối, bán buôn, bán lẻ) sản phẩm rượu phải công bố số lượng giấy phép đang còn hiệu lực và số lượng giấy phép còn lại chưa được cấp (nếu có) và theo nguyên tắc quy định tại Khoản 1 Điều này:

a) Bộ Công Thương công bố số lượng Giấy phép kinh doanh phân phối sản phẩm rượu tối đa trên toàn quốc (số lượng giấy phép đang còn hiệu lực và số lượng giấy phép còn lại chưa được cấp (nếu có)) trước ngày 31 tháng 12 hàng năm;

b) Sở Công Thương trên địa bàn tỉnh công bố và gửi báo cáo về Bộ Công Thương số lượng Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu tối đa trên địa bàn tỉnh, số lượng Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu tối đa trên địa bàn mỗi huyện trong tỉnh (số lượng giấy phép đang còn hiệu lực và số lượng giấy phép còn lại chưa được cấp (nếu có)) trước ngày 31 tháng 12 hàng năm;

c) Phòng Công Thương hoặc phòng Kinh tế hạ tầng (sau đây gọi chung là Phòng Công Thương) trên địa bàn huyện công bố và gửi báo cáo về Sở Công Thương số lượng Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu tối đa trên địa bàn huyện (số lượng giấy phép đang còn hiệu lực và số lượng giấy phép còn lại chưa được cấp (nếu có)) trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Giấy phép kinh doanh phân phối, bán buôn và bán lẻ sản phẩm rượu được cấp trên nguyên tắc thứ tự ưu tiên: Cấp phép kinh doanh sản phẩm rượu cho những thương nhân kinh doanh sản phẩm rượu xin cấp lại giấy phép do hết hạn nếu bảo đảm điều kiện theo quy định, không vi phạm pháp luật;

xem xét để tiếp tục cấp phép cho những thương nhân mới nếu bảo đảm đầy đủ điều kiện theo quy định, hồ sơ của thương nhân được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước sẽ được xét cấp trước. Số lượng giấy phép cấp không được vượt quá số lượng giấy phép đã được công bố.

4. Thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu

a) Bộ Công Thương là cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh phân phối sản phẩm rượu;

b) Sở Công Thương địa phương là cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu;

c) Phòng Công Thương là cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

5. Trình tự thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về công thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu cho thương nhân theo hướng dẫn của Bộ Công Thương. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ, trong vòng 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước về công thương có văn bản yêu cầu thương nhân hoàn thiện.

6. Giấy phép kinh doanh phân phối, bán buôn và bán lẻ sản phẩm rượu có giá trị từng thời kỳ 05 năm. Trước thời điểm hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, thương nhân muốn tiếp tục kinh doanh sản phẩm rượu phải có văn bản đề nghị cấp lại giấy phép gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép để xem xét cấp lại theo quy định của Nghị định này.

7. Bộ Công Thương hướng dẫn cụ thể hồ sơ đề nghị cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh phân phối, bán buôn và bán lẻ sản phẩm rượu.

8. Mỗi thương nhân chỉ được cấp một loại giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu. Thương nhân được cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu phải nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh sản phẩm rượu

1. Mua sản phẩm rượu có nguồn gốc hợp pháp.

2. Tổ chức lưu thông, tiêu thụ sản phẩm rượu trên thị trường theo Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu được cấp.

3. Thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm rượu chỉ được bán sản phẩm rượu cho các thương nhân có Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu thuộc hệ thống phân phối của mình trong phạm vi địa bàn được cấp phép.

4. Thương nhân phân phối sản phẩm rượu được mua sản phẩm rượu từ tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc thương nhân phân phối sản phẩm rượu khác hoặc thương nhân nhập khẩu sản phẩm rượu trực tiếp từ thương nhân nước ngoài để bán cho các thương nhân bán buôn sản phẩm rượu hoặc trực tiếp tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các cửa hàng trực thuộc của thương nhân trên phạm vi địa bàn được cấp phép.

5. Thương nhân bán buôn sản phẩm rượu được mua sản phẩm rượu từ tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu để bán cho các thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu hoặc trực tiếp tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các cửa hàng trực thuộc của thương nhân trên phạm vi địa bàn tỉnh.

6. Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu được mua sản phẩm rượu từ thương nhân bán buôn sản phẩm rượu để bán tại địa điểm được cấp phép.

7. Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu không được bán sản phẩm rượu cho người dưới 18 tuổi.

8. Thương nhân kinh doanh sản phẩm rượu phải niêm yết bản sao hợp lệ Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu đã được cơ quan có thẩm quyền cấp và chứng loại, giá cả các loại sản phẩm rượu thương nhân đang kinh doanh tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của thương nhân.

9. Các thương nhân kinh doanh sản phẩm rượu phải có văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng kinh doanh mua bán sản phẩm rượu.

10. Thương nhân kinh doanh sản phẩm rượu phải có nghĩa vụ báo cáo và đăng ký hệ thống phân phối với cơ quan chức năng có thẩm quyền.

11. Báo cáo định kỳ tình hình kinh doanh theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đã cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu cho thương nhân theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 20. Nhập khẩu rượu

1. Rượu nhập khẩu bao gồm rượu thành phẩm đóng chai, hộp, thùng... để tiêu thụ ngay và rượu dưới dạng bán thành phẩm và phụ liệu dùng để pha chế thành rượu thành phẩm tại Việt Nam.

2. Rượu nhập khẩu phải có chứng từ nhập khẩu hợp pháp theo quy định hiện hành và thực hiện quy định về dán tem rượu nhập khẩu theo quy định tại Điều 15 của Nghị định này.

3. Rượu nhập khẩu phải ghi nhãn hàng hoá theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Chỉ có doanh nghiệp có Giấy phép kinh doanh phân phối sản phẩm rượu mới được nhập khẩu trực tiếp rượu và phải chịu trách nhiệm về chất lượng, an toàn thực phẩm của rượu nhập khẩu. Doanh nghiệp nhập khẩu rượu bán thành phẩm và phụ liệu dùng để pha chế thành rượu thành phẩm chỉ được bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu.

5. Doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp được phép nhập khẩu trực tiếp hoặc ủy thác nhập khẩu rượu bán thành phẩm và phụ liệu để pha chế thành rượu thành phẩm.

6. Rượu nhập khẩu phải được đăng ký bản công bố hợp quy tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước khi nhập khẩu và phải được cấp “Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu” đối với từng lô hàng theo các quy định hiện hành.

7. Rượu chỉ được nhập khẩu vào Việt Nam qua các cửa khẩu quốc tế. Ngoài các chứng từ xuất trình cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục nhập khẩu theo quy định, thương nhân nhập khẩu phải xuất trình thêm Giấy chỉ định hoặc ủy quyền là phân phối, nhà nhập khẩu của chính hãng sản xuất, kinh doanh hoặc hợp đồng đại lý của hãng sản xuất, kinh doanh mặt hàng đó.

Điều 21. Phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại

1. Rượu giả, rượu không đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định đều bị tịch thu để tiêu hủy. Rượu lậu bị tịch thu và xử lý theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh sản phẩm rượu, có nghĩa vụ tham gia phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong công tác phòng, chống buôn lậu sản phẩm rượu, sản xuất, kinh doanh sản phẩm rượu giả và gian lận thương mại.

Chương IV VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 22. Các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh rượu

1. Sản xuất, kinh doanh rượu không có Giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

2. Sản xuất, mua bán, tiêu thụ sản phẩm rượu nhập lậu, rượu giả, rượu nhái nhãn mác, kiểu dáng, không đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng theo các quy định của pháp luật.

3. Sản xuất rượu vượt trên năng lực sản xuất quy định trong giấy phép.
4. Dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu không có nguồn gốc hợp pháp.
5. Lưu thông, tiêu thụ các sản phẩm rượu không ghi nhãn bao bì hoặc ghi nhãn không đúng quy định, không đăng ký bản công bố hợp quy, không dán tem theo quy định của pháp luật.
6. Kinh doanh sản phẩm rượu không đúng đối tượng, địa điểm, nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu được cấp.
7. Kinh doanh sản phẩm rượu khi Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu đã hết hiệu lực.
8. Giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa, cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng, mua bán Giấy phép sản xuất, kinh doanh rượu.
9. Kinh doanh sản phẩm rượu tại các địa điểm cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật.
10. Kinh doanh không có hợp đồng hoặc không thực hiện đúng cam kết đã ghi trong hợp đồng.
11. Bán lẻ sản phẩm rượu bằng máy bán hàng tự động.
12. Bán sản phẩm rượu cho người dưới 18 tuổi, bán qua mạng internet.
13. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh rượu không báo cáo hoặc báo cáo không đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
14. Quảng cáo, khuyến mại sản phẩm rượu trái quy định của pháp luật.
15. Tài trợ các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao, vui chơi giải trí, các hoạt động chăm sóc sức khỏe và các hoạt động xã hội khác có gắn với việc quảng cáo các sản phẩm rượu.
16. Dùng sản phẩm rượu làm giải thưởng cho các cuộc thi, trừ các cuộc thi về sản phẩm rượu.
17. Các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Thu hồi Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu

Tổ chức, cá nhân sẽ bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu trong trường hợp vi phạm điều kiện về sản xuất, kinh doanh rượu và vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh rượu tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động sản xuất, kinh doanh rượu.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương kiểm soát, quản lý việc sản xuất, kinh doanh rượu thông qua Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát.

3. Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước đối với ngành rượu trong đầu tư xây dựng theo các quy định của pháp luật và của Nghị định này.

4. Quản lý an toàn thực phẩm đối với rượu theo đúng các quy định của Luật an toàn thực phẩm.

5. Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp, Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho cơ sở có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại, Giấy phép kinh doanh phân phối sản phẩm rượu, Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu, Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

6. Thanh tra, kiểm tra, các cơ sở sản xuất, kinh doanh rượu về việc chấp hành Quy hoạch sản xuất rượu, chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; giải quyết các khiếu nại, tố cáo và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh rượu.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền liên quan tổ chức kiểm tra, phát hiện và xử lý đối với các vi phạm về kinh doanh rượu khác.

8. Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước tổ chức tịch thu, xử lý đối với rượu nhập lậu, rượu giả, rượu không đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, hết thời hạn sử dụng hoặc các sản phẩm rượu mang nhãn hàng hoá không hợp pháp, không ghi nhãn bao bì, không dán tem theo quy định.

9. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng, ban hành các quy định về quản lý sản xuất và kinh doanh rượu thuốc.

10. Chủ trì, phối hợp thanh tra kiểm tra, tổ chức tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện Nghị định này.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành liên quan quy định việc in, ban hành tem dán tem và quản lý sử dụng tem đối với sản phẩm rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước và rượu nhập khẩu.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan ban hành quy định về thu phí và lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu và Giấy phép kinh doanh rượu.

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Chủ trì soạn thảo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản pháp luật về an toàn thực phẩm, phòng, chống tác hại của lạm dụng rượu.

2. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm, phòng, chống tác hại của lạm dụng rượu.

3. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc phát hiện, kiểm tra xử lý các cơ sở sản xuất rượu giả, rượu lậu, rượu không đảm bảo an toàn thực phẩm.

Điều 28. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi quyền hạn của mình và theo sự phân công của Chính phủ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh rượu, tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện Nghị định sản xuất, kinh doanh rượu.

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với ngành rượu trên địa bàn thuộc địa phương. Chịu trách nhiệm quản lý và giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của địa phương.

2. Lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát trên địa bàn, trong đó có Quy hoạch sản xuất rượu, làng nghề sản xuất rượu; thẩm định, quyết định công nhận làng nghề sản xuất rượu.

3. Chỉ đạo Sở Công Thương xây dựng quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.

4. Chỉ đạo các cơ sở sản xuất rượu của địa phương thực hiện theo đúng Quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm đúng mục tiêu và định hướng phát triển đã đề ra.

5. Kiểm tra hoạt động sản xuất, nhập khẩu, lưu thông, tiêu thụ rượu trên địa bàn.

6. Giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch, chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, an toàn lao động, môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất rượu và xử lý những vi phạm theo quy định của pháp luật trên địa bàn.

7. Tổ chức thực hiện và tuyên truyền, giáo dục nhân dân trong việc thực hiện sản xuất rượu thông qua Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát và quy định của Nghị định này.

8. Tuyên truyền, giáo dục để nhân dân nâng cao nhận thức về nguy cơ, tác hại của việc lạm dụng rượu và sử dụng rượu với hàm lượng các thành phần độc tố cao, dần dần thay thế bằng các loại rượu chất lượng cao, đạt chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định.

9. Chỉ đạo chính quyền địa phương các cấp làm rõ nguyên nhân khi xảy ra ngộ độc rượu trên địa bàn, có các biện pháp xử lý theo thẩm quyền.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu mà vẫn còn thời hạn thì không phải xin cấp lại giấy phép. Hết thời hạn trong giấy phép phải làm thủ tục xin cấp giấy phép theo các quy định tại Nghị định này.

2. Đối với tổ chức, cá nhân chưa được cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu phải làm thủ tục cấp phép theo các quy định tại Nghị định này.

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

2. Trong thời gian sáu (06) tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 công bố xong số lượng giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu.

3. Bãi bỏ Nghị định số 40/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

Điều 32. Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b).N 500

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng